

PHARHADATON GMP - WHO Soft Cap.

* Vitamin / Vitamins

Vitamin A (Retinyl palmitat)	1000 IU
Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	200 IU
Vitamin E (α - Tocopheryl acetat)	5 IU
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	3mg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCl)	1,5mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	18mg
Vitamin C (Acid ascorbic)	30mg
Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin B ₅ (Calcil pantothenat)	1mg
Acid folic	200mcg

* Khoáng chất / Minerals

Calcil (Calcil hydrophosphat)	27mg
Sắt (Sắt fumarat)	18mg
Đồng (Đồng sulfat)	0,26mg
Mangan (Mangan sulfat)	0,41mg
Magnesi (Magnesi sulfat)	28mg
Kẽm (Kẽm oxyd)	6,9mg
Molybden (Natri molybdat)	0,017mg
Crom (Crom clorid)	0,012mg
Kali iodid	0,018mg
Tá dược vđ/ Excipients q.s.f.	1 viên / 1 softgel

SDK:

HATAPHAR

PHARHADATON HATAPHAR Soft Cap.

Số lô SX

HD :

PHARHADATON

Multivitamin & Minerals Supplement

GMP - WHO

Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm/ Box of 2 blisters of 15 softgels

PHARHADATON

Cung cấp Vitamin và Khoáng chất

Multivitamin & Minerals Supplement

HATAPHAR



THÀNH PHẦN/ COMPOSITION:

Mỗi viên nang mềm chứa/ Each softgel contains:

* Vitamin / Vitamins

Vitamin A (Retinyl palmitat)	1000 IU
Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	200 IU
Vitamin E (α - Tocopheryl acetat)	5 IU
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	3mg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCl)	1,5mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	18mg
Vitamin C (Acid ascorbic)	30mg
Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin B ₅ (Calcil pantothenat)	1mg
Acid folic	200mcg

* Khoáng chất / Minerals

Calcil (Calcil hydrophosphat)	27mg
Sắt (Sắt fumarat)	18mg
Đồng (Đồng sulfat)	0,26mg
Mangan (Mangan sulfat)	0,41mg
Magnesi (Magnesi sulfat)	28mg
Kẽm (Kẽm oxyd)	6,9mg
Molybden (Natri molybdat)	0,017mg
Crom (Crom clorid)	0,012mg
Kali iodid	0,018mg
Tá dược vđ/ Excipients q.s.f.	1 viên / 1 softgel

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng/

Indications, Contraindications, Dosage - Administration:

Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/ See the package insert inside.

Bảo quản/ Storage: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/ Store in a dry place, below 30°C.

Tiêu chuẩn áp dụng/ Specifications: TCCS/ Manufacturer's.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG/

Keep out of reach of children.

Carefully read the accompanying instructions before use.

Sản xuất tại/ Manufactured by:

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/ HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C

La Khê - Hà Đông - Hà Nội

La Khê - Hà Đông - Hà Nội

SDK (Reg.No) :

Số lô SX (Lot.No) :

Ngày SX (Mfg.Date) :

HD (Exp.Date) :

PHARHADATON

Multivitamin & Minerals Supplement

B4

Hướng dẫn sử dụng thuốc
PHARHADATON

- **Dạng thuốc:** Viên nang mềm.
- **Qui cách đóng gói:** Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm.
- **Thành phần:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Thành phần	Hàm lượng	Thành phần	Hàm lượng
Vitamin A(Retinylnyl palmitat)	1000IU	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	200IU
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	3mg	Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin E (α-tocopherol acetat)	5IU	Acid folic	200μg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin.HCl)	1,5mg	Vitamin PP (Nicotinamid)	18mg
Vitamin C (Acid ascorbic)	30mg	Vitamin B ₅ (Calci pantothenat)	1mg
Calci (Calci hydrophosphat)	27mg	Sắt (Sắt fumarat)	18mg
Magnesi (Magnesi sulfat)	28mg	Kẽm (Kẽm oxyd)	6,9mg
Đồng (Đồng sulfat)	0,26mg	Mangan (Mangan sulfat)	0,41mg
Molybden (Natri molybdat)	0,017mg	Crom (Crom clorid)	0,012mg
Kali iodid	0,018mg		

(Tá dược gồm: Dầu đậu nành, gelatin, glycerin, dung dịch sorbitol 70%, nước, dầu cọ, sáp ong trắng, nipagin, nipasol, ethyl vanilin, phẩm màu chocolate)

- **Chỉ định:** Cung cấp vitamin và muối khoáng cho cơ thể. Dùng để phục hồi sức khoẻ cho người mới ốm dậy, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú thiếu vitamin và khoáng chất.

- **Cách dùng và liều dùng:** Uống theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc. Trung bình:

Người lớn: Uống 1-2 viên/ngày, nên uống sau bữa ăn sáng.

- **Chống chỉ định:** Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.

* **Vitamin A:** Người bệnh thừa vitamin A.

* **Vitamin D₃:** Tăng calci máu hoặc nhiễm độc vitamin D.

* **Vitamin PP:** Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

* **Vitamin C:** Dùng liều cao vitamin C cho người bị thiếu hụt glucose-6-phosphat dehydrogenase (G6PD). Người sỏi thận (Khi dùng liều cao 1g/ngày).

- **Thận trọng:** Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B₂, khi ngừng thuốc sẽ hết. Nếu dùng thuốc không thấy có tiến triển tốt hoặc có tác dụng không mong muốn nên ngừng thuốc và hỏi ý kiến thầy thuốc.

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú:** Thuốc dùng được cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- **Sử dụng thuốc khi lái xe hoặc vận hành máy móc:** Thuốc không gây buồn ngủ không ảnh hưởng đến hoạt động của người khi lái xe hoặc đang vận hành máy móc.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:**

* **Vitamin A:** Uống vitamin A dùng liều cao kéo dài có thể gây đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sụt cân, nôn, rối loạn tiêu hoá, sốt, gan-lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô giòn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương khớp. Trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính bao gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc xương dài. Hầu hết các triệu chứng mất dần khi ngừng sử dụng thuốc. Uống vitamin A liều cao dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu: buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng, co giật, ỉa chảy. Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống thuốc từ 6 đến 24 giờ. Đối với phụ nữ mang thai, liều Vitamin A trên 8.000IU mỗi ngày có thể gây ngộ độc cho thai nhi.



* **Vitamin D₃**: Uống Vitamin D₃ quá liều có thể gây ngộ độc vitamin D. Các triệu chứng ban đầu của ngộ độc là dấu hiệu và triệu chứng của tăng calci máu. Tăng calci huyết và nhiễm độc vitamin D có một số tác dụng phụ như:

Thường gặp: Thần kinh (yếu, mệt mỏi, ngủ gà, đau đầu); Tiêu hoá (chán ăn, khô miệng, buồn nôn, táo bón, tiêu chảy); các biểu hiện khác (ù tai, mất điều hoà, giảm trương lực cơ, đau cơ, đau xương và dễ bị kích thích).

Ít gặp hoặc hiếm gặp: Nhiễm calci thận, rối loạn chức năng thận, loãng xương ở người lớn, giảm phát triển ở trẻ em, sút cân; tăng huyết áp, loạn nhịp tim và một số rối loạn chuyển hoá.

* **Vitamin C**: Tăng oxalat- niệu, buồn nôn, nôn, ợ nóng, co cứng cơ bụng, mệt mỏi, đỏ bừng nhức đầu, mất ngủ, và tình trạng buồn ngủ đã xảy ra. Sau khi uống liều 1 g hàng ngày hoặc lớn hơn, có thể xảy ra ỉa chảy.

- *Thường gặp*: Tăng oxalat niệu.

- *Ít gặp*: Máu (thiếu máu tan máu); Tim mạch (bùng đỏ, suy tim); Thần kinh trung ương (xiù, chóng mặt, nhức đầu, mệt mỏi); Dạ dày- ruột (buồn nôn, nôn, ợ nóng ỉa chảy); Thần kinh — cơ và xương (đau cạnh sườn).

* **Vitamin E**: Liều cao có thể gây ỉa chảy, đau bụng, các rối loạn tiêu hoá khác và cũng có thể gây mệt mỏi, yếu.

* **Vitamin B₆**: Dùng 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể phục hồi khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại ít nhiều di chứng. *Hiếm gặp*: Bồn nôn, nôn.

* **Ghi chú**: " Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".

- **Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác**:

- Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai. Cần tránh dùng đồng thời vitamin A với Isotretinoin vì có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều.

- Không nên điều trị đồng thời vitamin D với cholestyramin hoặc colestipol hydroclorid vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột. Sử dụng dầu khoáng quá mức có thể cản trở hấp thu vitamin D ở ruột. Điều trị đồng thời vitamin D với thuốc lợi niệu thiazid cho những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết. Trong trường hợp đó cần phải giảm liều vitamin D hoặc ngừng dùng vitamin D tạm thời. Dùng lợi tiểu thiazid ở những người thiếu năng cận giáp gây tăng calci huyết có lẽ do tăng giải phóng calci từ xương. Không nên dùng đồng thời vitamin D với phenobarbital và/hoặc phenytoin (và có thể với những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25 - hydroxyergocalciferol và 25 - hydroxy - colecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hoá vitamin D thành những chất không có hoạt tính. Không nên dùng đồng thời vitamin D với corticosteroid vì corticosteroid cản trở tác dụng của vitamin D. Không nên dùng đồng thời vitamin D với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

- Vitamin B₆ làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenyltoin và phenobarbital trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B₆ có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu Vitamin B₆.

- **Quá liều và cách xử trí**: Không nên sử dụng quá liều chỉ định.

* Vitamin A (Dùng 100.000UI/ngày x 10-15 ngày liên, hoặc phụ nữ có thai không dùng quá 8000UI/ngày) gây ngứa khô tóc, chán ăn buồn nôn.

* Dùng liều cao vitamin C (Quá 1g/ngày) gây sỏi thận.

- **Hạn dùng**: 36 tháng tính từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng.



* Lưu ý: Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, dính nang, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

- Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

- Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS.

ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"

Thuốc sản xuất tại:

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Là Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội

ĐT: 04.33522203 FAX: 04.33522203

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

K/ Tổng giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. *Nguyễn Bá Lai*

TỜ THÔNG TIN CHO BỆNH NHÂN (PIL)

1. Tên sản phẩm: PHARHADATON.

2. Mô tả sản phẩm: Viên nang mềm, hình thuôn dài màu nâu, bề mặt viên nhẵn bóng, sờ không dính tay, bên trong chứa hỗn dịch thuốc màu nâu.

3. Thành phần của thuốc : Vitamin A(Retinyl palmitat), Vitamin D₃(Cholecalciferol), Vitamin B₁ (Thiamin nitrat), Vitamin B₂ (Riboflavin), Vitamin E (α -tocopherol acetat), Acid folic, Vitamin B₆ (Pyridoxin.HCl), Vitamin PP (Nicotinamid), Vitamin C (Acid ascorbic), Vitamin B₅ (Calci pantothenat), Calci (Calci hydrophosphat), Sắt (Sắt fumarat), Magnesi (Magnesi sulfat), Kẽm (Kẽm oxyd), Đồng (Đồng sulfat), Mangan (Mangan sulfat), Molybden (Natri molybdat), Crom (Crom clorid), Kali iodid.

4. Hàm lượng của thuốc:

Vitamin A(Retinyl palmitat)	1000IU	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	200IU
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	3mg	Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin E (α -tocopherol acetat)	5IU	Acid folic	200 μ g
Vitamin B ₆ (Pyridoxin.HCl)	1,5mg	Vitamin PP (Nicotinamid)	18mg
Vitamin C (Acid ascorbic)	30mg	Vitamin B ₅ (Calci pantothenat)	1mg
Calci (Calci hydrophosphat)	27mg	Sắt (Sắt fumarat)	18mg
Magnesi (Magnesi sulfat)	28mg	Kẽm (Kẽm oxyd)	6,9mg
Đồng (Đồng sulfat)	0,26mg	Mangan (Mangan sulfat)	0,41mg
Molybden (Natri molybdat)	0,017mg	Crom (Crom clorid)	0,012mg
Kali iodid	0,018mg		

5. Thuốc dùng cho bệnh gì?: Cung cấp vitamin và muối khoáng cho cơ thể. Dùng để phục hồi sức khỏe cho người mới ốm dậy, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú thiếu vitamin và khoáng chất.

6. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng? Uống theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc. Trung bình: *Người lớn:* Uống 1-2 viên/ngày, nên uống sau bữa ăn sáng.

7. Khi nào không nên dùng thuốc này?

Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.

* *Vitamin A:* Người bệnh thừa vitamin A.

* *Vitamin D₃:* Tăng calci máu hoặc nhiễm độc vitamin D.

* *Vitamin PP:* Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

* *Vitamin C:* Dùng liều cao vitamin C cho người bị thiếu hụt glucose-6-phosphat dehydrogenase (G6PD). Người sỏi thận (Khi dùng liều cao 1g/ngày).

8. Tác dụng không mong muốn:

* *Vitamin A:* Uống vitamin A dùng liều cao kéo dài có thể gây đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sụt cân, nôn, rối loạn tiêu hoá, sốt, gan-lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô giòn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương khớp. Trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính bao gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc xương dài. Hầu hết các triệu chứng mất dần khi ngừng sử dụng thuốc. Uống vitamin A liều cao dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu: buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng, co giật, ỉa chảy. Các triệu chứng xuất

hiện sau khi uống thuốc từ 6 đến 24 giờ. Đối với phụ nữ mang thai, liều Vitamin A trên 8.000IU mỗi ngày có thể gây ngộ độc cho thai nhi.

* **Vitamin D₃**: Uống Vitamin D₃ quá liều có thể gây ngộ độc vitamin D. Các triệu chứng ban đầu của ngộ độc là dấu hiệu và triệu chứng của tăng calci máu. Tăng calci huyết và nhiễm độc vitamin D có một số tác dụng phụ như:

Thường gặp: Thân kinh (yếu, mệt mỏi, ngủ gà, đau đầu); Tiêu hoá (chán ăn, khô miệng, buồn nôn, táo bón, tiêu chảy); các biểu hiện khác (ù tai, mất điều hoà, giảm trương lực cơ, đau cơ, đau xương và dễ bị kích thích).

Ít gặp hoặc hiếm gặp: Nhiễm calci thận, rối loạn chức năng thận, loãng xương ở người lớn, giảm phát triển ở trẻ em, sút cân; tăng huyết áp, loạn nhịp tim và một số rối loạn chuyển hoá.

* **Vitamin C**: Tăng oxalat- niệu, buồn nôn, nôn, ợ nóng, co cứng cơ bụng, mệt mỏi, đỏ bừng nhức đầu, mất ngủ, và tình trạng buồn ngủ đã xảy ra. Sau khi uống liều 1 g hàng ngày hoặc lớn hơn, có thể xảy ra ỉa chảy.

- *Thường gặp*: Tăng oxalat niệu.

- *Ít gặp*: Máu (thiếu máu tan máu); Tim mạch (bùng đỏ, suy tim); Thân kinh trung ương (xiù, chóng mặt, nhức đầu, mệt mỏi); Dạ dày- ruột (buồn nôn, nôn, ợ nóng ỉa chảy); Thân kinh — cơ và xương (đau cạnh sườn).

* **Vitamin E**: Liều cao có thể gây ỉa chảy, đau bụng, các rối loạn tiêu hoá khác và cũng có thể gây mệt mỏi, yếu.

* **Vitamin B₆**: Dùng 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cồng bàn chân đến tê cồng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể phục hồi khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại ít nhiều di chứng. *Hiếm gặp*: Bồn nôn, nôn.

9. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?:

- Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai. Cần tránh dùng đồng thời vitamin A với Isotretinoin vì có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều.

- Không nên điều trị đồng thời vitamin D với cholestyramin hoặc colestipol hydroclorid vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột. Sử dụng dầu khoáng quá mức có thể cản trở hấp thu vitamin D ở ruột. Điều trị đồng thời vitamin D với thuốc lợi niệu thiazid cho những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết. Trong trường hợp đó cần phải giảm liều vitamin D hoặc ngừng dùng vitamin D tạm thời. Dùng lợi tiểu thiazid ở những người thiếu năng cận giáp gây tăng calci huyết có lẽ do tăng giải phóng calci từ xương. Không nên dùng đồng thời vitamin D với phenobarbital và/hoặc phenytoin (và có thể với những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25 - hydroxyergocalciferol và 25 - hydroxy - colecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hoá vitamin D thành những chất không có hoạt tính. Không nên dùng đồng thời vitamin D với corticosteroid vì corticosteroid cản trở tác dụng của vitamin D. Không nên dùng đồng thời vitamin D với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

- Vitamin B₆ làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenyltoin và phenobarbition trong máu ở



một số người bệnh. Vitamin B₆ có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu Vitamin B₆.

10. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc? Nên tiếp tục uống thuốc theo liều lượng đã hướng dẫn trong tờ thông tin cho bệnh nhân.

11. Cần bảo quản thuốc này như thế nào? Để nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

12. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều? * Vitamin E (Dùng quá 3000UI/ngày) có thể gây rối loạn tiêu hoá (Buồn nôn, nôn, đầy hơi, đi lỏng, viêm ruột hoại tử).

* Vitamin A (Dùng 100.000UI/ngày x 10-15 ngày liền, hoặc phụ nữ có thai không dùng quá 8000UI/ngày) gây ngứa khô tóc, chán ăn buồn nôn.

* Dùng liều cao vitamin C (Quá 1g/ngày) gây sỏi thận.

13. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo? Đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

14. Tên của nhà sản xuất và chủ sở hữu giấy phép đăng ký sản phẩm: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY.

15. Những điều cần trọng khi dùng thuốc này: Trẻ em dưới 4 tuổi.

* Vitamin B₂: Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B₂, khi ngừng thuốc sẽ hết.

* Vitamin A: Cần thận trọng khi có dùng thuốc khác có chứa vitamin A.

* Vitamin D₃: Sarcoidosis hoặc thiếu năng cận giáp (có thể tăng nhạy cảm với vitamin D), suy chức năng thận, bệnh tim, sỏi thận, xơ vữa động mạch.

16. Khi nào cần tham vấn bác sỹ:

- Khi cần thêm thông tin về thuốc.
- Khi thấy những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
- Khi dùng thuốc mà thấy triệu chứng của bệnh không thuyên giảm.

17. Ngày xem xét sửa đổi lại tờ thông tin cho bệnh nhân: 21/12/11

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Nguyễn Bá Lai